

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
- Tên viết tắt: SOCTRANGWACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 31/5/2024.
- Vốn điều lệ: 158.631.330.000 đồng (Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 158.631.330.000 đồng (Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng)
- Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943 - Số fax: (0299) 3821278
- Website: www.soctrangwaco.vn - Email: info@soctrangwaco.vn
- Mã cổ phiếu: STW

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng, phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng thành công ty cổ phần. Ngày 28/12/2017 Công ty tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập lần thứ nhất và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 31/5/2024, với mức vốn điều lệ là 158.631.330.000 đồng.

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
2.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (ngành chính)	3600
3.	Sản xuất khai thác chưa phân vào đâu	3290

Stt	Ngành nghề	Mã ngành
	<i>Chi tiết:</i> Chế tạo thiết bị ngành nước;	
4.	Sản xuất điện <i>Chi tiết:</i> Điện mặt trời;	3511
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết:</i> Bán vật tư, thiết bị ngành nước;	4663
6.	Xây dựng nhà để ở;	4101
7.	Xây dựng nhà không để ở;	4102
8.	Xây dựng công trình đường sắt;	4211
9.	Xây dựng công trình đường bộ;	4212
10.	Xây dựng công trình thủy;	4291
11.	Xây dựng công trình khai khoáng;	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết:</i> Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;	4299
14.	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;	4322
16.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>Chi tiết:</i> Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;	4610
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> Bán hóa chất ngành nước trừ hóa chất nhà nước cấm.	4669
18.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
19.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết:</i> Đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa;	5229
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
22.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản. <i>Chi tiết:</i> - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ đấu giá bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.	6820

Stt	Ngành nghề	Mã ngành
23.	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết:</i> Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;	7020
24.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. <i>Chi tiết:</i> Dịch vụ kiểm định đo lường đồng hồ nước;	7120
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết:</i> - Xuất, nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh; - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	8299

3.2. Địa bàn kinh doanh: SOCTRANGWACO cung cấp nước sạch khu vực trọng điểm là thành phố Sóc Trăng và trung tâm các huyện, thị xã, thị trấn trong toàn tỉnh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên;
- Ban kiểm soát: 03 thành viên;
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên.
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc: 03 thành viên;
 - + Kế toán trưởng: 01 thành viên;
 - + Các phòng nghiệp vụ: 05 đơn vị;
 - + Chi nhánh trực thuộc: 01 đơn vị;
 - + Các Xí nghiệp cấp nước trực thuộc: 12 đơn vị.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: 01 công ty, với các thông tin:

- Tên công ty: **Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng**
- Địa chỉ: Đường D4, KCN An Nghiệp, P7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 2200680885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 28/10/2013.
- Vốn điều lệ: 41.600.000.000 (Bốn mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng)
- Cổ phần sở hữu: 1.206.400 cổ phần, chiếm 29% vốn điều lệ

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước trên toàn tỉnh Sóc Trăng với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và doanh nghiệp trong phạm vi toàn tỉnh Sóc Trăng.

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn góp của Nhà nước và các cổ đông; tôn trọng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các cổ đông.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phấn đấu hàng năm tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm so với năm trước.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư xây dựng các nhà máy, cụm xử lý, nâng cấp các nhà máy nước để bổ sung nguồn nước cho khu vực tỉnh Sóc Trăng và các vùng lân cận.

- Đầu tư dự án chống thất thoát, sửa chữa, vệ sinh mạng lưới cấp nước.

- Đầu tư đổi mới, nâng cấp hệ thống quản lý doanh nghiệp bằng công nghệ thông tin, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước (*nước mặt và nước ngầm*), tiết kiệm năng lượng, sử dụng máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường,...

- Đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước, bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

6. Các rủi ro

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án.

- Công tác sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng trong địa bàn tỉnh đã buộc công ty phải chịu chi phí di dời các tuyến ống, ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho khách hàng và kiểm soát thất thoát nước. Ngoài ra tỷ lệ thất thoát và thất thu nước cũng gây thiệt hại không nhỏ đến công ty. Trong đó nguyên nhân chủ yếu từ các sự cố vỡ ống, sử dụng một phần nước cho việc súc xả vệ sinh đường ống nước, thổi rửa giếng, sự cố rò rỉ tại các mối nối của mạng lưới đường ống... Quá trình tìm, phát hiện và khắc phục các sự cố vỡ hay rò rỉ cũng gặp không ít khó khăn khi hệ thống ống nước nằm dưới các công trình đã xây dựng, gây mất thời gian và tốn kém chi phí. Các khoản thất thu như: một số hộ khách hàng khi đăng ký sử dụng nước đã sử dụng sai mục đích hoặc không thanh toán hóa đơn khi đã sử dụng, sử dụng không qua đồng hồ,...

- Ngoài ra, một trong các rủi ro đáng kể là hiện tượng biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng trầm trọng, mang rủi ro lớn cho doanh nghiệp. Nguồn nước ngầm hiện đang dần cạn kiệt, bên cạnh đó nguồn nước mặt cũng bị ô nhiễm, tình hình biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, trong đó hiện tượng xâm nhập mặn đến sớm hơn và diễn biến ngày càng trầm trọng tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Điều đó gây ảnh hưởng đến nguồn nước cung cấp của công ty, làm cho chi phí sản xuất tăng cao trong xử lý cũng như tìm kiếm các nguồn nước khác để thay thế.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- M³ nước thương phẩm: 23.279.221 m³, đạt tỷ lệ 100,3% so với kế hoạch năm, tăng trưởng 4,2% so với năm 2023.

- Tổng doanh thu: 240.813.380.584 đồng, tăng 9,9% so với năm 2023 và đạt 106,1% so với kế hoạch.

Trong đó:

- + Doanh thu cấp nước: 212.857.672.990 đồng, chiếm 88,4%
- + Doanh thu lắp đặt: 2.895.879.578 đồng, chiếm 1,2%
- + Doanh thu nước đóng chai: 4.158.286.587 đồng, chiếm 1,7%
- + Doanh thu khác: 177.198.324 đồng, chiếm 0,1%
- + Doanh thu tài chính : 13.018.794.678 đồng, chiếm 5,4%
- + Thu nhập khác : 7.705.548.427 đồng, chiếm 3,2%

- Lợi nhuận sau thuế: 41.019.732.951 đồng, đạt tỷ lệ 123,9% so với kế hoạch năm, đạt 81,2% so với 2023.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành (số liệu tính đến hết ngày 31/12/2024)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết
1	Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	7.300
2	Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	1972	Kỹ sư Cấp thoát nước, Cử nhân Luật	3.901.700
3	Nguyễn Quang Mãi	Giữ chức Phó Tổng Giám đốc đến ngày 29/5/2024	1977	Thạc sĩ kỹ thuật quy hoạch và quản lý hệ thống công trình; Kỹ sư Thủy Lợi	1.586.313
4	Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	3.894.967
5	Võ Thị Phương Diệu	Kế toán trưởng	1981	Cư nhân Kế toán, Cử nhân Luật	200

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Nội dung thay đổi
1	Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29/5/2024
2	Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29/5/2024
3	Nguyễn Quang Mãi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/5/2024
4	Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29/5/2024

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Nội dung thay đổi
5	Võ Thị Phương Diệu	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 29/5/2024

2.3. Số lượng cán bộ CNV-LĐ (số liệu tính đến hết ngày 31/12/2024)

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động	296	100%
- Trên đại học	05	1,7%
- Đại học, cao đẳng	137	46%
- Trung cấp	41	13,8%
- Trình độ Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	114	38,5%
II. Phân theo hợp đồng lao động	296	100%
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	294	99,3%
- Hợp đồng xác định thời hạn (dưới 36 tháng)	02	0,7%

2.4. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động đúng theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ ốm, nghỉ phép, khám sức khỏe định kỳ, các chế độ khen thưởng, phúc lợi khác... và được trả lương kịp thời, đầy đủ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

a. Mạng lưới

Stt	Tên dự án/ công trình
1	Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu, đoạn nối liền thị trấn Long Phú và xã Long Đức
2	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước áp Bung Tróp A, xã An Hiệp, Châu Thành
3	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 358 Nguyễn Văn Linh, phường 2, TP. Sóc Trăng
4	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 47 Trần Quang Khải, phường 2, TP. Sóc Trăng
5	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 172, cầu Kênh 16 mét đường Dương Kỳ Hiệp, phường 2, TP. Sóc Trăng
6	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 26 Sương Nguyệt Ánh, phường 2, TP. Sóc Trăng
7	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Mậu Sương, ấp 5, thị trấn Long Phú
8	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường từ Ngã ba Ung Công Uẩn dài xuống đèn xanh đèn đỏ đường Phan Văn Hùng, thị trấn Kế Sách
9	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Ngân hàng chính sách, Quốc lộ 61B,

Stt	Tên dự án/ công trình
	thị trấn Phú Lộc
10	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Cafe Cây Xanh, đường 30/4, thị trấn Phú Lộc
11	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường 30/4 nối Nguyễn Huệ, phường 1, TX. Vĩnh Châu
12	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Trần Hưng Đạo nối dài, phường 2, TX. Vĩnh Châu
13	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu, đoạn từ lộ đal cạnh Xí nghiệp đến cầu Bãi Giá, Trần Đề
14	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường đlan Kênh 3/2, thành phố Sóc Trăng
15	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Phan Văn Chiêu (đường Kênh Quán Khuôn), thành phố Sóc Trăng
16	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 60 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, TP. Sóc Trăng
17	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 233 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, TP. Sóc Trăng
18	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 938, xã An Ninh, Châu Thành
19	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường huyện 23, ấp An Hưng, xã Long Đức
20	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu cũ, ấp Lợi Đức, xã Long Đức
21	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước các hẻm 962-1056-1070-1098-1132 đường Võ Văn Kiệt, phường 10, TP. Sóc Trăng
22	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Huỳnh Thị Tân, đoạn từ Công an Phường 1 đến Kênh Cống Đá, phường 1, TX. Ngã Năm
23	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh 90 (bên phải), đoạn từ hộ Trần Văn Vũ đến hộ Trần Minh Hiền, phường 1, TX. Ngã Năm
24	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh 30/4 (bên phải), đoạn từ cầu 30/4 đến Trạm Y tế Ngã Năm, phường 1, TX. Ngã Năm
25	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Xẻo Cạy, đoạn từ Trường tiểu học Tân Lập A đến hộ Lâm Thị Lệ, phường 2, TX. Ngã Năm
26	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Lê Văn Tám, đoạn từ hộ Trần Xiếu Hén đến hộ Trần Vũ Phấn, phường 1, TX. Ngã Năm
27	Cải tạo sửa chữa tuyến ống hẻm 22 đường Bạch Đằng, khóm 5, phường 4, thành phố Sóc Trăng
28	Cải tạo sửa chữa tuyến ống áp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề (đoạn từ cuối ống D168 ngược ra đường Mạc Đĩnh Chi – đường tỉnh 934B) - Mỹ Xuyên
29	Cải tạo sửa chữa tuyến ống áp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề (đoạn từ

Stt	Tên dự án/ công trình
	đường đập qua cầu Bà Ky rẽ trái, đường đan mới làm) - Mỹ Xuyên
30	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước Hẻm lộ đan huyện lộ 48B, phường 2, thị xã Vĩnh Châu
31	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước đường số 4 nối dài, phường 1, thị xã Vĩnh Châu

b. Xây dựng:

Stt	Tên dự án/ công trình
1	Công trình Xí nghiệp cấp nước Kế Sách; hạng mục Cải tạo, sửa chữa sơn XNCN Kế Sách (các khối nhà, cụm xử lý, hàng rào và đường ống công nghệ); Sơn cụm xử lý và đường ống công nghệ Trạm Trung tâm GDNN& GDTX huyện Kế Sách và Trạm Phong Nấm
2	Công trình Nhà máy nước Sung Đình - XNCN Phú Lợi; hạng mục Cải tạo, sửa chữa nhà trực vận hành, nhà đặt máy phát điện, nhà hóa chất, sân nền, cống rào, đường ống công nghệ nhà máy
3	Công trình Nhà máy nước Long Phú - XNCN Long Phú; hạng mục Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành - trạm bơm cấp 2, nhà nghỉ công nhân - nhà kho, bể chứa, cụm lọc xộp, hàng rào, bồn lọc và đường ống công nghệ
4	Cải tạo sửa chữa sơn phòng kinh doanh, phòng công nghệ thông tin, nhà vệ sinh lầu 1 - văn phòng công ty; Cải tạo sửa chữa sơn nhà nghỉ công nhân, trạm bơm nước thô, công nghệ nhà máy - XNCN Nguyễn Chí Thanh
5	Cải tạo, sửa chữa, sơn nhà máy nước Trần Đề (các khối nhà, cống hàng rào, đường ống công nghệ nhà máy); Cải tạo, sửa chữa, sơn nhà máy nước Lịch Hội Thượng (các khối nhà, hàng rào, đường ống công nghệ nhà máy)
6	Lắp mới tụ bù sau điện kế tại XNCN Kế Sách
7	Công trình Hệ thống thu gom và xử lý nước thải rửa lọc cho Trạm cấp nước Lịch Hội Thượng; hạng mục Nền đặt bể thu nước trung gian, Nền đặt thiết bị

c. Giếng khoan và công nghệ nhà máy:

Stt	Tên dự án/ công trình
1	Gói 1: Lắp đặt thiết bị quan trắc tự động khai thác nước ngầm, nước mặt cho các giếng khoan, trạm khai thác tại các nhà máy nước: Nguyễn Chí Thanh, Phú Lợi, Khu công nghiệp An Nghiệp trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng
2	Gói 2: Lắp đặt thiết bị quan trắc tự động khai thác nước ngầm cho các giếng khoan do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp phép thuộc các nhà máy/xí nghiệp của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng
3	Giếng khoan thăm dò G6 - NMN Mỹ Xuyên 3

Stt	Tên dự án/ công trình
4	Giếng khoan thăm dò - khai thác KS7, Xí nghiệp cấp nước Kế Sách

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Chưa nhận được báo cáo từ đơn vị liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2023 - 31/12/2023	Từ 01/01/2024 - 31/12/2024	% Tăng, giảm
- Tổng giá trị tài sản	273.165.734.324	307.259.567.099	12,5%
- Doanh thu thuần	210.960.201.679	220.089.037.479	4,3%
- Lợi nhuận kinh doanh	55.659.864.179	60.218.930.826	8,2%
- Lợi nhuận khác	1.399.724.835	1.844.286.442	31,8%
- Lợi nhuận trước thuế	57.059.589.014	62.063.217.268	8,8%
- Lợi nhuận sau thuế	50.501.586.964	41.019.732.951	-18,8%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐVT	Từ 01/01/2023- 31/12/2023	Từ 01/01/2024- 31/12/2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,0	4,2
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,7	3,8
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	12,3%	11,2%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	14,0%	12,6%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,0	9,2
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,8	0,7
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	23,9%	18,6%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	21,1%	15,0%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	18,5%	13,4%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	26,4%	27,4%

5. Cơ cấu cổ phần, cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cơ cấu cổ phần

Cơ cấu cổ phần	Số lượng	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ/điều lệ (%)
1. Tự do chuyển nhượng	15.754.201	157.542.010.000	99,31%
2. Hạn chế chuyển nhượng, trong đó:	108.932	1.089.320.000	0,69%
- Cổ phần do tổ chức Công đoàn cơ sở sở hữu (không được phép chuyển nhượng)	7.932	79.320.000	0,05%
- Cổ phần do người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài	101.000	1.010.000.000	0,64%
Tổng cộng	15.863.133	158.631.330.000	100%

5.2. Cơ cấu cổ đông

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, cơ cấu cổ đông như sau:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ so vốn điều lệ (%)
I	Trong nước	15.863.133	158.631.330.000	100%
1	Cổ đông nhà nước nắm giữ	7.772.935	77.729.350.000	49,00%
2	Cổ đông tổ chức nắm giữ	3.021.145	30.211.450.000	19,045%
3	Cổ đông cá nhân nắm giữ	5.069.053	50.690.530.000	31,955%
II	Nước ngoài	0	0	0%
	Tổng cộng	15.863.133	158.631.330.000	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng		7.772.935	49,00%
2	Nghiêm Thị Lệ Hằng	019197010040	3.807.152	24%
3	Công ty cổ phần VBIC Việt Nam	0108307727	3.013.213	18,995%
4	Nguyễn Minh Phương	001084010700	801.401	5,052%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty sử dụng các nguyên vật liệu, hóa chất xử lý nước như: Clo (*Clo bột 70%, Clo hạt 60%, Clo viên*), PAC, cát lọc, hạt xốp,... cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a. Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 9.962.030 kW

b. Điện năng tiết kiệm được thông qua việc công ty đầu tư lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời công suất 20 kW tại Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên, công suất 38,3 kW tại Trạm cấp nước Hải Ngự và công suất 38,3 kW tại Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị. Trong năm sử dụng khoảng 61.142 kw từ hệ thống điện mặt trời thay thế cho nguồn điện lưới từ Công ty Điện Lực.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: *Không*

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn nước cung cấp và lượng nước sử dụng

Công ty hiện đang quản lý và khai thác hệ thống cấp nước đô thị gồm 23 Nhà máy, Trạm khai thác xử lý nước với tổng công suất được cấp phép khai thác là 91.530 m³/ngày đêm, gồm có 06 nhà máy tại thành phố Sóc Trăng, 03 nhà máy tại 02 thị xã, 14 nhà máy tại các xã, thị trấn.

Với nhiệm vụ trọng tâm là cung cấp nước sạch cho sản xuất công nghiệp và dân cư trên địa bàn, Công ty đặt việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước song song với việc bảo vệ nguồn tài nguyên nước là mục tiêu hàng đầu. Công suất cấp nước vào mạng lưới hiện tại vào khoảng 73.300 m³/ngày đêm, nguồn nước khai thác chủ yếu là nước ngầm (89%) và nước mặt (11%), tổng số giếng khoan đang khai thác là 64 giếng (14 giếng tầng sâu và 50 giếng tầng nông) cung cấp nước sạch cho hơn 101.843 hộ khách hàng.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Hiện tại công ty đang quản lý 23 nhà máy, trạm khai thác xử lý nước. Trong đó, có 08 nhà máy (*Nhà máy Khu công nghiệp, Phú Lợi, Mỹ Xuyên 1, Mỹ Xuyên 2, Mỹ Xuyên 3, Mỹ Tú, Thạnh Trị, Kế Sách*) vận hành quy trình xử lý nước tuần hoàn sau lọc, không xả thải ra môi trường. Tổng lượng nước được tái sử dụng khoảng 1.419m³/ngày, chiếm tỷ lệ 49% tổng lượng nước xử lý của toàn công ty.

6.4. Tuân thủ pháp luật về tài nguyên nước

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Năm 2024 công ty thực hiện Quyết định số 78/QĐ-XP/HC, ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính do khai thác, sử dụng tài nguyên nước vượt quá lưu lượng quy định trong giấy phép tại Nhà máy nước Phường 8.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về tài nguyên nước và môi trường: 2.321.289.883 đồng

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động: 296 người, mức thu nhập trung bình đối với người lao động là 13.155.688 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ; công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định. Trong năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ phát hiện bệnh cho người lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp tại bệnh viện Đa khoa tỉnh, với tổng số tiền là 237.358.640 đồng, đề nghị cấp sổ theo dõi khám sức khỏe theo quy định.

c. Hoạt động đào tạo:

Trong năm 2024, Công ty không đào tạo về công tác chuyên ngành, chủ yếu tham gia các buổi hội thảo do Chi hội cấp thoát nước miền Nam và UBCK Nhà nước tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cấp nước; đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng hộ dân được cung cấp nước sạch sử dụng.

Đồng thời trong năm 2024, Công ty cũng đã thực hiện tốt các công tác đóng góp từ thiện xã hội. Vận động CB.CNV tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái như: đóng góp quỹ “Vì người nghèo”, “Mái ấm công đoàn”, “Phòng chống thiên tai”, “Ủng hộ, chia sẻ cùng đồng bào trong đợt bão lụt số 3”,... và tham gia tốt các phong trào thi đua do địa phương phát động.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm qua, hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra với cường độ và mức độ ngày càng cao tại tỉnh nhà. Tình trạng biến đổi khí hậu biến động khôn lường, nắng nóng kéo dài, hạn hán, hiện tượng xâm nhập mặn ngày càng trở nên gay gắt, đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn nước cung cấp. Tại địa bàn thành phố Sóc Trăng, độ mặn của nước không có dấu hiệu thuyên giảm gây ảnh hưởng đến nguồn nước mặt khai thác, nguồn nước ngầm thì các giếng khoan đang bị nhiễm mặn dần, mực nước động ngày càng hạ thấp, khả năng hồi lưu nguồn nước chậm, trữ lượng không đảm bảo cho việc khai thác một số khu vực bị thiếu nguồn nước không đủ cung cấp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty.

Công tác triển khai thực hiện các dự án và phát triển hệ thống cấp nước chưa đạt tiến độ đề ra. Song song đó, tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 nói chung và tình hình các doanh nghiệp năm 2024 nói riêng diễn ra trong bối cảnh phức tạp, nhiều khó khăn, thách thức và thuận lợi đan xen nhau. Chi phí sản xuất kinh doanh, giá cả nguyên, nhiên vật liệu chi phí đầu vào trong sản xuất tăng cao,... Điều đó cũng đem đến khó khăn không nhỏ đối với tình hình kinh doanh của Công ty.

Tuy vậy, cùng với sự quyết tâm, đoàn kết và nỗ lực của tập thể người quản lý, người lao động, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2024 tiếp tục được giữ vững với lợi nhuận đạt 123,9% so với kế hoạch năm; các chế độ, chính sách, tiền lương của người lao động cũng được thực hiện đầy đủ kịp thời theo quy định.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2023- 31/12/2023	Từ 01/01/2024- 31/12/2024	Tỷ trọng 01/01/2023- 31/12/2023	Tỷ trọng 01/01/2024- 31/12/2024
- Tài sản ngắn hạn	163.988.048.915	163.988.048.915	60,0%	46,1%
- Tài sản dài hạn	109.177.685.409	109.177.685.409	40,0%	53,9%
Tổng tài sản	273.165.734.324	273.165.734.324	100%	100%

Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn 60,0% trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng đáng kể là đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn) của doanh nghiệp. Tại thời điểm 31/12/2024, đầu tư tài chính ngắn hạn là 127 tỷ đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2023- 31/12/2023	Từ 01/01/2024- 31/12/2024	Tỷ trọng 01/01/2023- 31/12/2023	Tỷ trọng 01/01/2024- 31/12/2024
- Nợ ngắn hạn	32.687.110.881	33.503.279.723	97,4%	97,4%
- Nợ dài hạn	871.189.370	898.189.370	2,6%	2,6%
Tổng nợ phải trả	40.884.503.422	33.558.300.251	100%	100%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 lần thứ 2 được tổ chức vào ngày 16/5/2024, Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất sửa đổi, bổ sung (lần thứ nhất) Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. Trong năm 2024, doanh nghiệp đã ban hành các quy chế nội bộ của công ty: Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/8/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng); Quy chế Tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý quỹ phúc lợi; Quy chế quản lý quỹ khen thưởng; Quy chế Công bố thông tin (tháng 12/2024). Các thông tin trên đã được Công bố thông tin trên trang thông tin điện tử Công ty và hệ thống Công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định Công bố thông tin của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Các giải pháp sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục lãnh đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2025, góp phần hoàn thành chỉ tiêu nghị quyết của tỉnh; quan tâm theo dõi chất lượng nước sạch sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn quy định, có giải pháp đầu tư công nghệ nhà

máy, nguồn nước sản xuất nhằm khắc phục tình trạng thiếu nước cục bộ tại một số thời điểm; khảo sát mở rộng các tuyến ống cấp nước theo nhu cầu sử dụng nước của người dân trên địa bàn chưa có tuyến ống, kịp thời phục vụ nhu cầu của người dân.

- Bên cạnh đó, quan tâm thực hiện tốt an ninh trật tự, tránh chủ quan trong công tác bảo vệ cơ quan, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp nhà máy.

- Ngoài ra, tiếp tục triển khai công tác khảo sát địa bàn, các công trình cấp nước đề nghị mở rộng, hiệu quả đầu tư để sớm thực hiện; đánh giá hoạt động của các nhà máy sản xuất, đầu tư bổ sung nguồn nước khai thác phục vụ; phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn nước theo tiêu chuẩn cho phép.

- Nhắc nhở các đơn vị trực thuộc theo dõi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thường xuyên, giảm lượng nước thất thoát, tăng cường công tác quản lý khách hàng, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm sản lượng theo từng thời điểm.

4.2. Các giải pháp công nghệ, tiết kiệm chi phí sản xuất

- Ứng dụng đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong quá trình sản xuất.

- Hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa các tổn thất và thiệt hại không đáng có trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục thực hiện cải tiến hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cho các xí nghiệp trực thuộc.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

4.3. Công tác quản trị

- Giáo dục cán bộ, công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, thúc đẩy phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá lại công việc của từng đơn vị để xây dựng định biên lao động, luân chuyển bố trí nhân lực đảm bảo lãnh đạo và điều hành sản xuất có hiệu quả.

- Xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng, động viên khuyến khích được những cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đảm nhận và giải quyết những công việc quan trọng và đòi hỏi sự phức tạp khi thực hiện. Tiền lương phải gắn liền với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CB.CNV phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Đối với việc điều chỉnh hồi tố các sai sót theo kết luận tại Biên bản Thanh tra tỉnh Sóc Trăng số 83/KL-TTr ngày 26 tháng 11 năm 2024 trong năm 2024 và điều chỉnh sai sót về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ dẫn đến thay đổi một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhất là chỉ tiêu về Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của những năm trước trong khi đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 cho các cổ đông là 14.605.681.287 VND, cổ tức đã xác định còn phải trả năm 2022 và năm 2023 với số tiền là 27.019.179.705 VND. Do đó, để không ảnh hưởng đến kế hoạch chi trả cổ tức cho cổ đông, Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu vào năm tài chính 2024.

Về ghi nhận cổ tức phải trả cho các cổ đông, Công ty đã thực hiện việc điều chỉnh bổ sung vào đầu năm 2025.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty chú trọng công tác quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước khai thác.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Tập thể, người lao động luôn có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc lâu dài và xây dựng công ty ngày càng phát triển.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và thực hiện tốt các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Theo báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ Điều lệ Công ty, HĐQT đã giám sát đối với Ban TGD thông qua việc hàng tháng Ban TGD thực hiện chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt; đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban TGD gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ người dân trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và giải quyết tình hình thiếu hụt nguồn nước cung cấp đối với các Xí nghiệp cấp nước địa phương, HĐQT tiếp tục tiến hành các thủ tục xin chủ trương về đầu tư dự án cấp nước, đồng thời hợp tác với các công ty có đủ năng lực về kinh nghiệm và tài chính để liên doanh thực hiện dự án.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phân đấu tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị (tính đến hết ngày 31/12/2024)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trần Anh Hòa	Chủ tịch HĐQT	7.300	0,046%	3.894.400	24,55%
2	Nguyễn Quang Mãi	Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT đến ngày 16/5/2024	0	0%	1.586.313	10%
3	Đặng Văn Ngo	TV. HĐQT	7.900	0,05%	0	0%
4	Ong Hải Phước	TV. HĐQT	8.500	0,054%	3.886.467	24,49%
5	Nguyễn Trọng Hiếu	TV. HĐQT đến ngày 16/5/2024	0	0%	0	0%
6	Nguyễn Trọng Kiên	Tham gia TV.HĐQT kể từ ngày 16/5/2024	0	0%	1.426.900	8,995%
7	Dương Ngô Hiệp	Tham gia TV.HĐQT kể từ ngày 16/5/2024	0	0%	0	0%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không có thành lập các tiểu ban trực thuộc.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm Hội đồng quản trị đã ban hành 44 Nghị quyết, cụ thể:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT	03/01/2024	Nội dung Nghị quyết không có hiệu lực do Chủ tịch HĐQT là ông Nguyễn Quang Mãi tự ý ký ban hành khi chưa được đa số thành viên HĐQT tham dự họp tán thành (2/5 tán thành)	- 40% thông qua gồm ông: Hiếu, Mãi. - 60% không thông qua gồm ông: Hòa, Ngo, Phước
2.	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT.NK24-29	29/5/2024	Bầu chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024-2029	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
3.	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT.NK24-29	29/5/2024	Miễn nhiệm các chức vụ Ban điều hành Công ty nhiệm kỳ 2017-2022	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
4.	Nghị quyết số 03/NQ- HĐQT.NK24-29	29/5/2024	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2024-2029	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
5.	Nghị quyết số 04/NQ- HĐQT.NK24-29	29/5/2024	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2024-2029	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
6.	Nghị quyết số 05/NQ- HĐQT.NK24-29	29/5/2024	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2024-2029	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
7.	Nghị quyết số 06/NQ- HĐQT.NK24-29	29/5/2024	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty nhiệm kỳ 2024-2029	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
8.	Nghị quyết số 07/NQ- HĐQT.NK24-29	29/5/2024	Bổ nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
9.	Nghị quyết số 08/NQ- HĐQT.NK24-29	29/5/2024	Cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
10.	Nghị quyết số 09/NQ- HĐQT.NK24-29	29/5/2024	Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại thành phố Hà Nội	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
11.	Nghị quyết số 10/NQ- HĐQT.NK24-29	29/5/2024	Miễn nhiệm các chức vụ Tổ trợ lý, Ban thư ký Công ty nhiệm kỳ 2024-2029	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
12.	Nghị quyết số 11/NQ- HĐQT.NK24-29	12/6/2024	Triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
13.	Nghị quyết số 12/NQ- HĐQT.NK24-29	12/6/2024	Bãi bỏ một số văn bản của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
14.	Nghị quyết số 13/NQ- HĐQT.NK24-29	06/6/2024	Phê duyệt Tờ trình số 284/TTr-CN ngày 03/6/2024 của Tổng Giám đốc về việc chi khen thưởng cho Ban Quản lý điều hành năm 2022	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
				biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
15.	Nghị quyết số 14/NQ- HĐQT.NK24-29	10/6/2024	Phê duyệt Tờ trình số 286/TTr-CN ngày 03/6/2024 của Tổng Giám đốc về việc hỗ trợ kinh phí khen thưởng cho con cán bộ, nhân viên Công ty đạt thành tích tốt trong học tập 2023-2024	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
16.	Nghị quyết số 15/NQ- HĐQT.NK24-29	13/6/2024	Phê duyệt Tờ trình số 285/TTr-CN ngày 03/6/2024 của Tổng Giám đốc về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của XN sản xuất nước uống đóng chai Sotraco	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
17.	Nghị quyết số 16/NQ- HĐQT.NK24-29	13/6/2024	Phê duyệt Tờ trình số 304/TTr-CN ngày 10/6/2024 của Tổng Giám đốc về việc chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích trong năm 2022 và các danh hiệu thi đua năm 2022	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
18.	Nghị quyết số 17/NQ- HĐQT.NK24-29	27/6/2024	Phê duyệt "Tờ trình số 358/TTr-CN ngày 24/6/2024 của Tổng Giám đốc về việc tổ chức tham quan du lịch cho người lao động năm 2024	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
19.	Nghị quyết số 18/NQ- HĐQT.NK24-29	22/07/2024	Chấp thuận chủ trương xin phép nâng công suất khai thác XNCN Nguyễn Chí Thanh - NMN KCN và Trạm cấp nước Hải Ngu	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
20.	Nghị quyết số 19/NQ- HĐQT.NK24-29	25/07/2024	Phê duyệt mua xe ô tô tải phục vụ vận chuyển vật tư của Công ty	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
21.	Nghị quyết số 20/NQ-	25/07/2024	Thay đổi thời gian tổ chức phiên họp ĐHCĐ năm 2024	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	HĐQT.NK24-29			Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
22.	Nghị quyết số 21/NQ- HĐQT.NK24-29	26/07/2024	Chấp thuận đầu tư hệ thống xử lý nước thải cho các nhà máy nước trực thuộc	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
23.	Nghị quyết số 22/NQ- HĐQT.NK24-29	26/07/2024	Chấp thuận chủ trương đầu tư hệ thống xử lý để nâng cao chất lượng nước sạch cho các NMN trực thuộc	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
24.	Nghị quyết số 23/NQ- HĐQT.NK24-29	30/07/2024	Phê duyệt thực hiện nạo vét bùn vận chuyển bùn thải tại hồ chứa nước của XN Nguyễn Chí Thanh	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
25.	Nghị quyết số 24/NQ- HĐQT.NK24-29	30/07/2024	Chấp thuận chủ trương bán thanh lý xe ô tô 7 chỗ và xe máy đào bánh xích	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
26.	Nghị quyết số 25/NQ- HĐQT.NK24-29	20/08/2024	Chấp thuận cho thực hiện Công trình HTCN thị xã Vĩnh Châu; hạng mục tuyến ống đường 30/4 nổi dài	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
27.	Nghị quyết số 26/NQ- HĐQT.NK24-29	23/08/2024	Phê duyệt Tờ trình số 472, 473, 474/TTr-CN ngày 19/8/2024 của BTGD v/v Phê duyệt PPLN 2023 của XN Sotraco, kinh phí mua quà Trung thu và chi quỹ phúc lợi 2/9 năm 2024”	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
28.	Nghị quyết số 27/NQ- HĐQT.NK24-29	05/09/2024	Chấp thuận thuê đơn vị tư vấn lập BC đánh giá tác động môi trường XN NCT & Nhà máy KCN	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
29.	Nghị quyết số 28/NQ- HĐQT.NK24-29	24/09/2024	Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền cho các cổ đông Công ty	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
30.	Nghị quyết số 29/NQ- HĐQT.NK24-29	24/09/2024	Triển khai các nội dung được thông qua tại cuộc họp HĐQT ngày 23/9/2024	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
31.	Nghị quyết số 30/NQ- HĐQT.NK24-29	27/09/2024	Phê duyệt kinh phí chi tiền trang phục cho Người lao động năm 2024	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
32.	Nghị quyết số 31/NQ- HĐQT.NK24-29	16/10/2024	Chấp thuận hỗ trợ kinh phí cho Công đoàn cơ sở tổ chức hoạt động nhân ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam 20/10	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
33.	Nghị quyết số 32/NQ- HĐQT.NK24-29	16/10/2024	Chấp thuận chủ trương mở rộng cải tạo sửa chữa mạng lưới theo đề nghị của các XN Phú Lợi, Kế Sách, Vĩnh Châu	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
34.	Nghị quyết số 33/NQ- HĐQT.NK24-29	01/11/2024	Phê duyệt quỹ tiền lương năm 2024	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
35.	Nghị quyết số 34/NQ- HĐQT.NK24-29	04/11/2024	Chấp thuận cho thuê đơn vị tư vấn thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Trạm cấp nước Hải Ngư	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
				Kiên, Hiệp.
36.	Nghị quyết số 35/NQ- HĐQT.NK24-29	22/11/2024	Chi tiền khen thưởng năm 2023	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.
37.	Nghị quyết số 36/NQ- HĐQT.NK24-29	02/12/2024	Triển khai các nội dung được thông qua tại cuộc họp HĐQT ngày 02/12/2024	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
38.	Nghị quyết số 37/NQ- HĐQT.NK24-29	02/12/2024	Ban hành Quy chế tài chính Công ty	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
39.	Nghị quyết số 38/NQ- HĐQT.NK24-29	02/12/2024	Ban hành Quy chế quản lý quỹ phúc lợi Công ty	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
40.	Nghị quyết số 39/NQ- HĐQT.NK24-29	02/12/2024	Ban hành Quy chế quản lý quỹ khen thưởng Công ty	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
41.	Nghị quyết số 40/NQ- HĐQT.NK24-29	03/12/2024	Ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
42.	Nghị quyết số 41/NQ- HĐQT.NK24-29	03/12/2024	Triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
43.	Nghị quyết số 42/NQ- HĐQT.NK24-29	03/12/2024	Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền cho các cổ đông Công ty	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
44.	Nghị quyết số 43/NQ- HĐQT.NK24-29	31/12/2024	Chấp thuận chủ trương bổ sung thêm nguồn nước mặt sản xuất cho Trạm cấp nước Phong Năm, công suất khai thác 1.500m ³ / ngày đêm	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến biểu quyết gồm ông: Kiên, Hiệp.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:
Hoạt động theo điều lệ công ty.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đào tạo về quản trị
trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nguyễn Hoài Bảo Khánh	Trưởng BKS (Tham gia BKS từ ngày 16/5/2024)	2.000	0,0126%	0	0%
2	Trần Thanh Nhân	Phó Trưởng Ban kiểm soát	43.900	0,277%	0	0%
3	Nguyễn Minh Phương	Thành viên BKS (Tham gia BKS kể từ ngày 16/5/2024)	801.401	5,052%	0	0%
4	Vũ Tiến Bộ	Trưởng BKS đến ngày 16/5/2024	0	0%	0	0%
5	Nguyễn Trọng Kiên	Thành viên BKS đến ngày 16/5/2024	0	0%	1.426.900	8,995%

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)

- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao phù hợp với quy định pháp luật;

- Trao đổi thông tin nội bộ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

- Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ;

- Tham gia với Hội đồng quản trị trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của công ty;

- Ban hành Quy chế hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2024-2029.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
1	Trần Anh Hòa	CT.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	479.448.760	267.109.657	746.558.417

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
2	Nguyễn Quang Mãi	Nguyên CT.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	281.062.940	139.926.504	420.989.444
3	Nguyễn Trọng Hiếu	Nguyên TV.HĐQT	84.994.200	135.743.349	220.737.549
4	Đặng Văn Ngo	TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	519.939.000	260.109.657	780.048.657
5	Ong Hải Phước	TV. HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	436.748.760	230.703.219	667.451.979
6	Dương Ngô Hiệp	TV.HĐQT	-	126.000.000	126.000.000
7	Nguyễn Trọng Kiên	TV. HĐQT	-	220.374.853	220.374.853
8	Phan Vĩnh Tùng	Nguyên TV. HĐQT	-	29.406.438	29.406.438
9	Nguyễn Hoài Bảo Khánh	Trưởng BKS	83.382.763	140.000.000	223.382.763
10	Vũ Tiến Bộ	Nguyên Trưởng BKS	-	188.749.706	188.749.706
11	Nguyễn Minh Phương	TV. BKS	-	70.000.000	70.000.000
12	Trần Thanh Nhân	TV.BKS	261.550.345	134.791.618	396.341.963
13	Liễu Thu Trúc	Nguyên TV.BKS	-	29.583.235	29.583.235
Tổng cộng:			2.147.126.768	1.972.498.236	4.119.625.004

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Minh Phương	Thành viên Ban kiểm soát; Cổ đông lớn.	809.101	5,1%	801.401	5,052%	Bán

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng	Mua nước sạch	16.153.179.056 đồng

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên

1.1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty điều chỉnh sai sót theo kết luận tại Biên bản Thanh tra tỉnh Sóc Trăng số 83/KL-TTr ngày 26 tháng 11 năm 2024 trong năm 2024 (xem các thuyết minh số V.9, V.13 và V.17a trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Nếu các sai sót này được điều chỉnh hồi tố theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót thì số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ thay đổi như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đang trình bày	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh hồi tố
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản cố định hữu hình	221	83.195.687.144	26.207.881.201	109.403.568.345
Nguyên giá	222	499.156.284.513	31.576.182.068	530.732.466.581
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(415.960.597.36)	(5.368.300.867)	(421.328.898.236)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.927.561.906	12.566.271.491	15.493.833.397
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	80.976.104.073	13.641.609.710	94.617.713.783
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	107.421.178.603	3.054.720.977	110.475.899.580
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	55.659.864.179	(3.054.720.977)	52.605.143.202
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	57.059.589.014	(3.054.720.977)	54.004.868.037
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.558.002.050	5.246.008.623	11.804.010.673
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	50.501.586.964	(8.300.729.600)	42.200.857.364
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.642	(523)	2.119
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.642	(523)	2.119

Ngoài ra, Công ty điều chỉnh sai sót về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước với tổng số tiền 7.092.514.693 VND (xem thuyết minh số V.13 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Nếu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận hồi tố thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay” (mã số 51) sẽ giảm 7.092.514.693 VND làm cho lợi nhuận sau thuế năm nay tăng lên một khoản tương ứng.

Công ty đã có thông báo về chi trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 với tổng số tiền là 41.624.860.992 VND (xem thuyết minh số V.17d trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 14.605.681.287 VND, cổ tức còn phải trả với số tiền 27.019.179.705 VND chưa được Công ty ghi giảm chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) và tăng chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” (mã số 319).

1.2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán lập ngày 05/3/2025, được đăng tải trên website công ty và được công bố thông tin theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. Kính báo cáo đến Quý cổ đông, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- HDQT, Ban TGD;
- Lưu: VT, HS.CBTT. *MTZ*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Văn Ngộ